

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HS-ST**
Ngày: 18 - 3 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST – HS, ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST - HS, ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Xuân D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1976 tại Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Thợ điêu khắc; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân T1, sinh năm: 1936 (đã chết) và bà Hồ Thị P, Sinh năm: 1940 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1974, con: Có 02 người; lớn nhất sinh năm 2004; nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Công an huyện T từ ngày 23/11/2020 cho đến nay: Có mặt.

Bị hại:

- Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 04/2020 Mai Xuân D biết con trai chị Nguyễn Thị Ngọc T là Nguyễn Văn T1 bị Công an huyện T bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thì Mai Xuân D đến gặp chị T đặt vấn đề tìm cách lo cho Nguyễn Văn T1 được áp dụng mức án nhẹ với số tiền là 60.000.000đ, chị T đồng ý. Tuy nhiên, mục đích của Mai Xuân D là lừa đảo chị T để lấy tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Khoảng 05 ngày sau, tại T1 tâm y tế huyện T chị Nguyễn Thị Ngọc T đã giao cho Mai Xuân D số tiền 30.000.000đ. Sau khi lấy tiền, D đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

Đến khoảng 15 ngày sau, Mai Xuân D điện thoại cho chị T yêu cầu đưa thêm 30.000.000đ. Sau khi, Mai Xuân D hứa hẹn sẽ lo giảm án cho Nguyễn Văn T1, nếu không lo được thì sẽ hoàn trả lại tiền thì chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục giao cho Mai Xuân D 30.000.000đ.

Tuy nhiên, do không có tiền tiêu xài nên khoảng 15 ngày sau, Mai Xuân D tiếp tục điện thoại cho chị T nói rằng cần thêm tiền lo ở Tòa án nên yêu cầu đưa thêm 15.000.000đ để lo giảm án cho Nguyễn Văn T1. Sau đó, tại khu vực nghĩa địa xã Đ, chị T tiếp tục đưa cho Mai Xuân D 15.000.000đ.

Khoảng 15 ngày sau, Mai Xuân D điện thoại mượn tiền chị T. Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý cho D mượn số tiền 10.000.000đ. Đến đầu tháng 9/2020, Nguyễn Thị Ngọc T nhờ Mai Xuân D lo cho Nguyễn Văn T1 đi chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm. Do Mai Xuân D không có tiền tiêu xài nên đồng ý nhận lời giúp lo cho Nguyễn Văn T1 đi chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm. Sau khi biết chị T chắc chắn muốn nhờ D xin cho T1 thì D đặt vấn đề xin về Trại giam Huy Khiêm với số tiền là 30.000.000đ, chị T đồng ý. Sau đó, chị T đưa cho D số tiền 10.000.000đ tại khu vực nghĩa địa xã Đ. Khoảng 03 ngày sau, D yêu cầu chị T đưa thêm số tiền 2.000.000đ. Tất cả số tiền này, D đều sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến ngày 20/9/2020 Mai Xuân D tiếp tục yêu cầu chị T đưa thêm số tiền 6.000.000đ. Do trước đây, Mai Xuân D còn nợ 10.000.000đ của chị T nên chị T yêu cầu Mai Xuân D trừ 6.000.000đ vào chi phí lo về Trại giam Huy Khiêm cho Nguyễn Văn T1. Số tiền D còn nợ lại chị T là 4.000.000đ.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện T xét xử, xử phạt Nguyễn Văn T1 với mức án là 07 năm 06 tháng tù thì Nguyễn Thị Ngọc T biết Mai Xuân D không

lo cho Nguyễn Văn T1 như đã hứa. Cho nên, chị T làm đơn tố cáo gửi cơ quan có thẩm quyền về hành vi lừa đảo của Mai Xuân D.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT – VKSND - TL, ngày 12/01/2021; Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Mai Xuân D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Mai Xuân D là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Xuân D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Mai Xuân D với mức án tù: 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Bị cáo Mai Xuân D; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Mai Xuân D:

Vào thời điểm tháng 3/2020 Mai Xuân D biết được Nguyễn Văn T1 bị Công an huyện T bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do không có tiền tiêu xài và cần tiền để trả nợ nên Mai Xuân D nảy sinh ý định đặt vấn đề chạy án để giảm nhẹ hình phạt và lo cho Nguyễn Văn T1 được chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc T (mẹ ruột Nguyễn Văn T1), cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 4/2020, sau khi chị Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý nhờ Mai Xuân D lo giảm nhẹ án cho Nguyễn Văn T1 thì Mai Xuân D trao đổi với chị T số tiền để lo cho Nguyễn Văn T1 hưởng mức án nhẹ là 60.000.000đ, chị

T đồng ý. Khoảng 05 ngày sau, Mai Xuân D điện thoại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu đưa 30.000.000đ để đi lo bên Công an. Sau đó, Mai Xuân D và chị T hẹn giao tiền tại T1 tâm y tế huyện T. Tại đây, chị T đã đưa cho Mai Xuân D số tiền 30.000.000đ. Đến khoảng 10 – 15 ngày sau khi lấy tiền lần thứ nhất thì Mai Xuân D điện thoại cho chị T yêu cầu đưa thêm 30.000.000đ. Sau đó, chị T đến nghĩa địa xã Đ đưa cho Mai Xuân D 30.000.000đ. Vào khoảng cuối tháng 5/2020, Mai Xuân D nghe nói Nguyễn Văn T1 sẽ bị phạt với mức án nặng. Do không có tiền tiêu xài nên Mai Xuân D tiếp tục điện thoại yêu cầu chị T đưa thêm số tiền 15.000.000đ để lo bên Tòa án. Tổng số tiền Mai Xuân D yêu cầu chị T đưa để lo Nguyễn Văn T1 được mức án nhẹ là 75.000.000đ. Tất cả số tiền này, Mai Xuân D đều sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến tháng 9/2020 chị T đặt vấn đề lo cho Nguyễn Văn T1 đi chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm để thuận tiện cho việc đi thăm thì Mai Xuân D đồng ý. Mai Xuân D đưa ra số tiền để lo về Trại giam Huy Khiêm là 30.000.000đ. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đưa trước cho Mai Xuân D 10.000.000đ. Khoảng 03 ngày sau, chị T tiếp tục đưa cho D 2.000.000đ. Đến ngày 20/9/2020, Mai Xuân D điện thoại cho chị T yêu cầu đưa thêm 6.000.000đ, nhưng do trước kia Mai Xuân D mượn của chị T 10.000.000đ nên lấy số tiền 6.000.000đ từ tiền nợ này chuyển qua tiền lo về Trại giam Huy Khiêm cho Nguyễn Văn T1. Tổng số tiền chị T đưa cho Mai Xuân D để lo cho Nguyễn Văn T1 về chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm là 18.000.000đ. Mai Xuân D sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị Ngọc T đưa cho Mai Xuân D là 93.000.000đ. Trong đó, số tiền lo giảm nhẹ án cho Nguyễn Văn T1 là 75.000.000đ; số tiền xin về chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm là 18.000.000đ.

Xét thấy: Mai Xuân D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng, do không có tiền tiêu xài nên Mai Xuân D nảy sinh ý định liên hệ chị Nguyễn Thị Ngọc T để đặt vấn đề lo cho Nguyễn Văn T1 (con ruột của chị T) được giảm án và đi chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị T. Tổng số tiền Mai Xuân D chiếm đoạt của chị T là 93.000.000đ. Cho nên, Mai Xuân D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của Mai Xuân D là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2020 bằng thủ đoạn gian dối Mai Xuân D 05 lần chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Trong những lần chiếm đoạt tài sản của chị T, hành vi của Mai Xuân D đều đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS một cách độc lập. Do đó, Mai Xuân D phạm tội trong trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Mai Xuân D đã thành khẩn khai báo. Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Mai Xuân D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Mai Xuân D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Mai Xuân D: 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 23/11/2020.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Mai Xuân D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/3/2021). (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- CQ.CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện T;
- UBND xã Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yên